



CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Số: 08 /BC-CTY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 05 tháng 02 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**Thường niên năm 2023**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát:**

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU  
Tên giao dịch/viết tắt: BAWACO  
Giấy CNĐKDN số: 1900605680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu thay đổi lần thứ 1 ngày 01/06/2022  
Vốn điều lệ: 111.688.000.000 đồng (Một trăm mười một tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu đồng)  
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 110.176.000.000 đồng (Một trăm mười tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu đồng)  
Địa chỉ: 92 Lê Duẩn, Khóm 7, Phường 1, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu  
Số điện thoại: (0291) 3827777  
Số fax: (0291) 3824812  
Website: capnuocbaclieu.com.vn  
Mã cổ phiếu: BLW  
Quá trình hình thành và phát triển:

Năm	Sự kiện
1950	Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu tiền thân là Công quản nhà máy nước thị xã Bạc Liêu được thành lập vào năm 1950 và trực thuộc Ty Công chánh Bạc Liêu. Thời điểm này hệ thống cấp nước Bạc Liêu còn nhỏ bé chỉ tập trung tại trung tâm Thị xã với một giếng nước ngầm công suất 150 m <sup>3</sup> /giờ và khoảng 6.000 mét đường ống dẫn nước bằng gang đường kính từ 80 đến 200 mm.
1970	Đầu năm 1970 chính quyền cũ có chủ trương quản lý hệ thống cấp nước tại các địa phương theo ngành dọc và có cơ chế tài chính riêng, lấy thu để hoạt động và phát triển nên lập ra Quốc gia thủy cục (trụ sở tại Sài gòn) là cơ quan có chức năng quản lý kinh doanh đầu tư các hệ thống cấp nước trên toàn miền nam và có ngân sách riêng của ngành. Do đó năm 1972 Công quản nhà máy nước được bàn giao cho Quốc gia thủy cục quản lý và đổi tên thành Ty Cấp thủy Bạc Liêu.





<b>1975</b>	Tháng 4 năm 1975 Ban kinh tài Bạc Liêu trực thuộc Ủy ban quân quản Tỉnh Bạc Liêu đã tiếp thu và điều hành Ty cấp thủy cho đến đầu năm 1976 thì bàn giao lại cho Công ty khoan cấp nước Miền Nam quản lý điều hành theo ngành dọc từ đó đổi tên là Xí nghiệp Cấp nước Bạc Liêu. Tháng 05/1977 bàn giao lại cho Ty Xây dựng Minh Hải quản lý.
<b>1987</b>	Đến năm 1987 do Ty Xây dựng Minh Hải đã dời về Cà Mau nên Xí nghiệp Cấp nước Bạc Liêu được bàn giao cho UBND Thị xã Bạc Liêu quản lý để việc chỉ đạo được kịp thời và thuận tiện hơn.
<b>1990</b>	Tháng 10 năm 1990 UBND Thị xã Bạc Liêu trong việc sắp xếp một số cơ quan ban ngành đã sáp nhập 3 đơn vị là Xí nghiệp Cấp nước, Xí nghiệp công trình công cộng và Công ty dịch vụ nhà đất thành Công ty Công trình đô thị và dịch vụ nhà đất. Chức năng nhiệm vụ của Công ty ngoài việc khai thác vận hành hệ thống cấp nước Công ty còn quản lý đèn đường, thu gom, vận chuyển, xử lý rác, xây dựng và duy tu mạng lưới thoát nước, cung ứng vật liệu xây dựng và cho thuê nhà thuộc diện quản lý của nhà nước.
<b>1993</b>	Năm 1993 Thị xã Bạc Liêu sáp nhập Xí nghiệp xây dựng Giao thông vào Công ty và giao thêm nhiệm vụ cho Công ty là thi công, duy tu, quản lý đường bộ, quản lý bến xe, bến tàu trên địa bàn thị xã Bạc Liêu đồng thời đổi tên thành Công ty Công trình đô thị.
<b>1997</b>	Tháng 01 năm 1997 tỉnh Bạc Liêu được tái lập và theo luật doanh nghiệp Công ty Công trình đô thị Bạc Liêu trực thuộc UBND tỉnh Bạc Liêu và chịu sự quản lý về chuyên môn của Sở Xây dựng Bạc Liêu.
<b>2006</b>	Tháng 10 năm 2006 do yêu cầu tổ chức, để chỉ đạo điều hành việc chỉnh trang đô thị Bạc Liêu được sâu sát, UBND tỉnh Bạc Liêu có quyết định tách bộ phận vệ sinh đô thị của Công ty ra thành lập đơn vị mới là Trung tâm dịch vụ đô thị trực thuộc UBND thị xã Bạc Liêu. Bộ phận còn lại chuyên về đầu tư phát triển, vận hành hệ thống cấp nước và được đổi tên là Công ty Cấp nước Bạc Liêu.
<b>2010</b>	Tháng 08 năm 2010 thực hiện chủ trương chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu.
<b>2016</b>	Ngày 14/03/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định số 367/QĐ-UBND cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu. Ngày 28/5/2015 Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu đã đấu giá cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu, tổng số cổ phần đấu giá là 43.700 cổ phần, giá đấu thành công bình quân là 10.100 đồng/cổ phiếu. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/01/2016 với mức vốn Điều lệ đăng ký là 111.688.000.000 đồng (Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 06/03/2015 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu để cổ phần hóa); Vốn điều lệ thực góp là 111.688.000.000 đồng (Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 về phê duyệt quyết toán tiền thu cổ phần hóa; công bố giá trị thực tế phần vốn tại thời điểm chuyển sang cty cổ phần).
<b>2019</b>	Ngày 20/2/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu có Công văn số 667/UBND-TH về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Ngày 01/7/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu chính thức bàn giao Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).





<b>2021</b>	Thực hiện Công văn số 516/UBND-TH ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) về Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu theo Công văn số 848/VPCP-DMDN ngày 03/02/2021 của Văn phòng Chính phủ. Ngày 11/6/2021 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) và Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thống nhất ký Biên bản chuyển giao vốn nhà nước tại Công ty.
-------------	--

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

### 2.1. Ngành, nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. <i>Chi tiết: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch</i>	3600
2	Xây dựng công trình cấp, thoát nước. <i>Chi tiết: Đầu tư, thi công các công trình: xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.</i>	4222
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí. <i>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước</i>	4322
5	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. <i>Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.</i>	7110
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. <i>Chi tiết: Bán buôn vật tư ngành xây dựng</i>	4663
7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Bán buôn vật tư ngành nước</i>	4669
8	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. <i>Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai</i>	1104
9	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá. <i>Chi tiết: Sản xuất nước đá tinh khiết</i>	3530
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. <i>Chi tiết: Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và kho bãi.</i>	6810
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
12	Bán buôn đồ uống <i>Chi tiết: Bán buôn nước uống đóng chai</i>	4633
13	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ nước uống đóng chai</i>	4723
14	Cho thuê xe có động cơ	7710

### 2.2. Địa bàn kinh doanh:

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (viết tắt là Công ty) có địa bàn hoạt động kinh



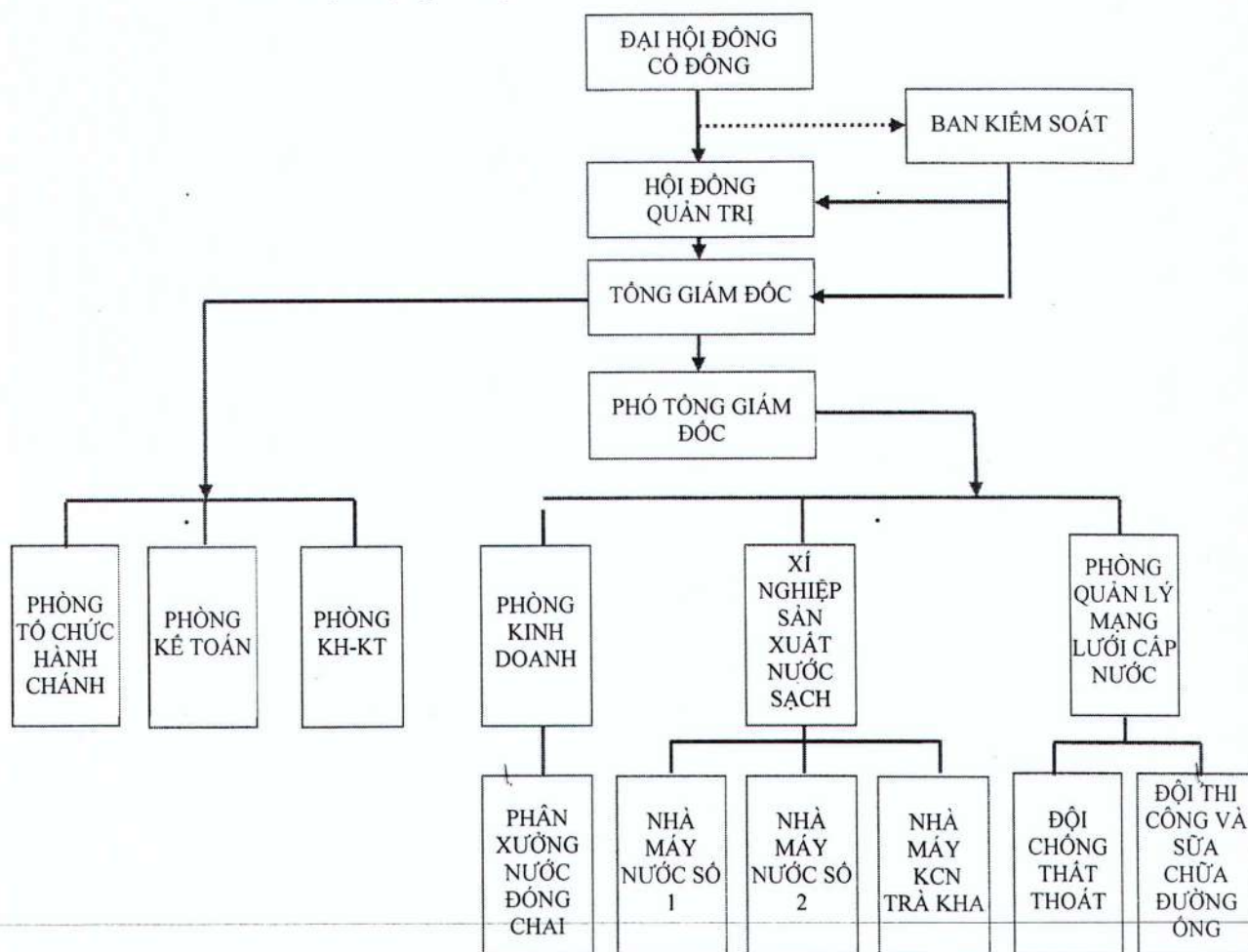
doanh chủ yếu tại thành phố Bạc Liêu.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

#### 3.1. Mô hình quản trị Công ty:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc;
- Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



### 4. Định hướng phát triển:

#### 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Hoạt động chủ yếu của Công ty là cung cấp nước sạch sinh hoạt, đây cũng là mặt hàng thiết yếu của người dân. Trong những năm qua Công ty đã tập trung phát triển mạng lưới cấp nước nên đến nay gần như phủ kín khu vực nội ô thành phố Bạc Liêu. Vì vậy khả năng phát triển khách hàng hàng năm rất thấp. Công ty đề ra các mục tiêu chủ yếu sau:

- Bảo toàn, phát triển nguồn vốn của Công ty; phấn đấu đạt các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra; đảm bảo thu nhập người lao động được ổn định; đáp ứng hài hòa lợi ích cổ đông;





- Cung cấp nước sạch an toàn, liên tục đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nước sinh hoạt của Bộ y tế.
- Tổ chức phân tích, đánh giá việc sử dụng nước của khách hàng, duy trì ổn định tỷ lệ thất thoát 10% góp phần làm giảm chi phí sản xuất và tiết kiệm được nguồn tài nguyên thiên nhiên;
- Tiếp tục thực hiện Công văn số 2485/UBND-TH ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 16/2/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, sản xuất kinh doanh nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí tối đa hóa lợi nhuận;
- Tập trung mở rộng thị trường sản phẩm nước uống đóng chai về các huyện trong tỉnh.

#### **4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Định hướng theo các mục tiêu:

- Giữ vững ổn định hoạt động kinh doanh của Công ty; Đảm bảo chất lượng, áp lực, cung cấp nước liên tục 24/24 giờ thực hiện cấp nước an toàn theo Thông tư 08/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng: Cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ lượng nước, đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn quy định. Song song với việc thực hiện kế hoạch tăng thêm tỷ lệ bao phủ hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn thành phố (theo Quyết định 2140/QĐ-TTg ngày 08/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định 192/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu).

- Tập trung nguồn lực, tìm hiểu công nghệ, cơ hội đầu tư nhà máy xử lý nước ở các huyện, thị xã của tỉnh;

- Ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, vận hành mạng lưới cấp nước nhằm tiết kiệm nhân lực và tài nguyên;

Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, khẳng định uy tín thương hiệu của Công ty, đáp ứng yêu cầu đa dạng các đối tượng khách hàng.

#### **4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững:**

- Chấp hành nghiêm các quy định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước;

- Tập trung tích lũy về nguồn vốn để có đủ tiềm lực về tài chính, đủ sức thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng cao của người dân thành phố;

- Tăng cường công tác chống thất thoát nước, khai thác, sử dụng hợp lý; Tích cực vận động khách hàng sử dụng nước máy Công ty để đảm bảo sức khỏe tránh khai thác tự do góp phần bảo vệ môi trường và nguồn tài nguyên nước;

- Áp dụng tiến bộ công nghệ thông tin nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức phục vụ đáp ứng phục vụ nhu cầu khách hàng tốt nhất, hiệu quả nhất;





- Nâng cao đời sống người lao động đảm bảo hài hòa lợi ích Công ty và cổ đông.

## 5. Các rủi ro:

### 5.1. Rủi ro kinh tế:

Tình hình kinh tế đang trên đà hồi phục tích cực trong năm 2022 nhờ bước chuyển quan trọng trong chiến lược phòng, chống dịch Covid-19 và việc đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ kinh tế, tuy nhiên, rủi ro và thách thức vẫn còn hiện hữu, chủ yếu liên quan đến các yếu tố bên ngoài.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, các yếu tố về kinh tế thị trường không tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tuy vậy Công ty luôn theo dõi, nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế chung để chủ động có những giải pháp thích hợp duy trì hoạt động kinh doanh ổn định.

### 5.2. Rủi ro đặc thù:

Nước sạch là tài nguyên quan trọng và là mặt hàng thiết yếu chịu sự quản lý của nhà nước về giá bán, tuy nhiên nhiều chi phí sản xuất tăng cao, đồng thời phát sinh thêm nhiều chi phí khác cần thực hiện như: xử lý độ cứng, tăng khấu hao do tăng tài sản, xét nghiệm nước theo tiêu chuẩn mới,...

Đối với ngành cấp nước thực trạng thất thoát nước là yếu tố được quan tâm hàng đầu, nguyên nhân hệ thống ống dẫn không đồng bộ, còn nhiều hệ thống ống cũ đã sử dụng trên 20 năm chưa được cải tạo thay thế, nhiều tuyến ống nằm ở vị trí bất lợi (*trong nhà, trong hàng rào...*) gây khó khăn cho việc quản lý, sửa chữa nên tỷ lệ thất thoát do rò rỉ tương đối lớn khó kiểm tra phát hiện, ngoài ra việc góp phần tăng tỷ lệ thất thoát còn do các công trình thi công xây dựng nâng cấp cải tạo lộ giới làm bề đường ống cấp nước chưa phát hiện kịp thời và một bộ phận người dân chưa ý thức chấp hành quy định của Công ty về cung cấp nước, còn gian lận trong sử dụng nước,...là nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty và lãng phí nguồn tài nguyên nước quốc gia.

### 5.3. Rủi ro về môi trường:

Hiện nay, nguồn nước ngày càng có nguy cơ bị ô nhiễm gây ảnh hưởng chất lượng nước cung cấp, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân và ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong thời gian gần đây, vấn đề môi trường là một vấn đề được xã hội quan tâm, chính vì thế công ty luôn nỗ lực thực hiện bảo vệ môi trường tuân thủ các quy định của cơ quan chức năng trong hoạt động khai thác và kinh doanh nước sạch. Ngoài ra, Công ty luôn ý thức trách nhiệm khai thác nguồn nước hợp lý để duy trì tài nguyên thiên nhiên trong tương lai.

### 5.4. Rủi ro khác:

Ngoài những rủi ro đã kể trên, Công ty luôn ý thức đề phòng các rủi ro bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản do đó Công ty quan tâm phòng tránh bằng các biện pháp cập nhật thông tin thời tiết, xã hội, tập huấn cho người lao động các biện pháp cứu nạn, cứu hộ, sơ tán và phòng tránh thiên tai hỏa hoạn, cháy nổ để kịp thời chủ động ứng phó hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:





Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% so Kế hoạch
Tổng doanh thu	63.348,60	69.330,82	109,44
Tổng chi phí	52.689,81	56.896,60	107,98
Lợi nhuận trước thuế	10.658,79	12.434,22	116,66
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.248,28	1.502,01	120,33
Lợi nhuận sau thuế	9.410,51	10.932,21	116,17

Được sự quan tâm sâu sát của UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan Công ty đã được điều chỉnh giá nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Bạc Liêu lộ trình 2023 -2027 áp dụng từ tháng 11/2023 (theo Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu); Đồng thời được sự chỉ đạo sâu sát của HĐQT, Ban Điều hành Công ty trong các hoạt động sản xuất kinh doanh cùng với công tác bố trí lao động phù hợp, tăng năng suất lao động tiết kiệm chi phí nên hầu hết các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều thực hiện đạt và vượt kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 đề ra, nhiều chỉ tiêu tăng trưởng mạnh, nhất là lợi nhuận trước thuế đạt 12.434,22 triệu đồng, vượt 16,66% so với kế hoạch năm, lợi nhuận sau thuế đạt 10.932,21 triệu đồng, vượt 16,17% so với kế hoạch năm.

#### 1.1. Thuận lợi:

- Luôn nhận được sự hỗ trợ từ các cơ quan ban ngành hữu quan;
- Công tác kiểm tra giám sát luôn được chú trọng, thông qua các buổi họp định kỳ để có đánh giá nhắc nhở rút kinh nghiệm kịp thời;
- Đặc thù của sản phẩm nước sạch là không có sự cạnh tranh trên địa bàn Công ty cung cấp nên hoạt động cấp nước mang tính ổn định cao.

#### 1.2. Khó khăn:

- Tình trạng bể ống nước thường xuyên do đơn vị thi công gây ra làm chọi việc cấp nước đến khách hàng bị gián đoạn, ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất; đồng thời tốn kém chi phí khắc phục, gây thất thoát lượng nước không nhỏ, ...Đối tượng gây hư hại thì “dây dưa” không bồi thường, trong khi đó Công ty chưa có biện pháp chế tài xử lý để tránh tình trạng này xảy ra giảm thất thoát nước cho Công ty;

- Các trang thiết bị của 02 nhà máy xử lý nước đã được đầu tư xây dựng nhiều năm, hoạt động liên tục hết công suất nay đã xuống cấp nên chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo nhà máy hàng năm tương đối lớn.

### 2. Tổ chức và nhân sự:

#### 2.1. Ban điều hành:

✓ Ông Võ Minh Trang - Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh: 22/08/1980
- Quê quán: Huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
- Địa chỉ thường trú: Số 26 lô P, đường Châu Văn Đặng, khóm 7, phường 1,





thành phố Bạc Liêu.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán - Thạc sĩ QTKD
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 1.000 cổ phần, chiếm 0,009% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu của UBND tỉnh: 4.467.300 cổ phần, chiếm 40,00 % vốn điều lệ.

✓ **Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- Ngày sinh: 02/10/1969
- Quê quán: xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.
- Địa chỉ thường trú: Khóm 5, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 500 cổ phần, chiếm 0,0045% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu của UBND tỉnh: 3.350.500 cổ phần, chiếm 30,00 % vốn điều lệ.

✓ **Ông Lê Thanh Bảo - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Phó Giám đốc**

- Ngày sinh: 09/11/1965
- Quê quán: Ba Đình, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: đường số 3, Khu dân cư phường 2, thành phố Bạc Liêu.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 6.300 cổ phần, chiếm 0,056% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu của UBND tỉnh: 3.199.800 cổ phần, chiếm 28,65 % vốn điều lệ.

✓ **Bà Trần Phước An - Kế toán trưởng**

- Ngày sinh: 12/10/1992
- Quê quán: huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.
- Địa chỉ thường trú: Khóm 7, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 1.600 cổ phần, chiếm 0,014% vốn điều lệ.

**2.2. Những thay đổi trong ban điều hành Công ty:**

**2.3. Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động:**

**- Tình hình nhân sự (tính đến 31/12/2023)**

STT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
<b>A</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>83</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ đại học và trên đại học	40	48,19
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	17	20,48
3	Công nhân kỹ thuật, lái xe	26	31,33
<b>B</b>	<b>Theo loại Hợp đồng lao động</b>	<b>83</b>	<b>100%</b>
1	Không thuộc diện ký Hợp đồng lao động		
2	Hợp đồng không thời hạn	81	97,59





STT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
3	Hợp đồng có thời hạn, lao động khoán	02	2,41
4	Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định		
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>83</b>	<b>100%</b>
1	Nam	71	85,54
2	Nữ	12	14,46

**- Chính sách đối với người lao động:**

Luôn quan tâm chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động cải thiện điều kiện làm việc, đầu tư trang thiết bị văn phòng, mua sắm thiết bị thi công, thiết bị chuyên dùng để phục vụ cho công tác lao động trực tiếp nhằm tăng năng suất lao động, giảm công việc nặng nhọc cho người lao động;

Thực hiện tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho Người lao động theo quy định hiện hành. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn con người cho toàn thể người lao động với mức 274.000đ/người/năm, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, thôi việc đúng quy định hiện hành.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

**3.1. Các khoản đầu tư:**

Trong năm, công trình cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước hoàn thành đưa vào sử dụng khoản 9.500 mét đường ống cấp nước, nâng tổng chiều dài mạng lưới lên 396.000 mét, đã giải ngân 4.000 triệu đồng, trong đó tập trung vào một số công trình cải tạo nâng công suất nhà máy và phát triển mạng lưới cấp nước tại 1 đường, 6 hẻm nội ô thành phố Bạc Liêu, lắp đặt hệ thống cấp nước 3 đường nội ô thành phố Bạc Liêu ...

- Công ty sử dụng tiền nhàn rỗi để đầu tư tài chính ngắn hạn tại các Ngân hàng nhằm tăng thu nhập tài chính góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính năm 2023 là 1.139,65 triệu đồng tăng 586,36 triệu đồng so với năm 2022 do lãi suất của các ngân hàng dao động tăng trong năm 2023.

**3.2. Các công ty con, công ty liên kết:** không có.

**4. Tình hình tài chính:**

**4.1. Tình hình tài chính:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	132.354,82	132.951,22	100,45
Doanh thu thuần	63.385,88	67.237,03	106,08
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.273,97	12.016,81	106,59
Lợi nhuận trước thuế	10.346,74	12.434,22	120,18
Lợi nhuận sau thuế	8.973,59	10.932,21	121,83





#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2022	Năm 2023
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	2,90	3,78
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	2,48	3,18
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	8,75	7,38
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	9,59	7,97
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	7,49	6,86
- Vòng quay tổng tài sản	%	47,89	50,57
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,16	16,26
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,43	8,88
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	6,78	8,22
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	%	17,79	17,87

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

##### 5.1. Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành:	11.168.800 cổ phần
- Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
- Cổ phần ưu đãi:	0 cổ phần
- Cổ phần phổ thông:	11.168.800 cổ phần
- Cổ phần tự do chuyển nhượng:	11.168.800 cổ phần
- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:	49%

##### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/VĐL thực góp
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>128</b>	<b>11.168.200</b>	<b>99,99%</b>
1	Tổ chức	1	11.017.600	98,65%
	-UBND tỉnh Bạc Liêu	1	11.017.600	98,65%
2	Cá nhân	127	150.600	1,34%
<b>II</b>	<b>Ngoài nước</b>	<b>1</b>	<b>600</b>	<b>0,01%</b>
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	1	600	0,01%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng</b>	<b>129</b>	<b>11.168.800</b>	<b>100%</b>





5.3. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** không có.

5.4. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có.

5.5. **Các chứng khoán khác:** không có.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**

**6.1. Tác động lên môi trường:**

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không có

**6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a. **Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:**

Nguyên vật liệu được sử dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm chính là clo, là nguyên liệu thông dụng không kết hợp với các nguyên liệu khác Công ty luôn chú trọng lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy, đảm bảo mang lại hiệu quả cao trong xử lý nước mang lại chất lượng nước an toàn cho người tiêu dùng. Nguyên liệu sử dụng sản xuất năm 2023 cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản lượng khai thác (m3)	Thực tế sử dụng
1	Hóa chất Clo sử dụng	Kg	8.975.734	21.550

b. **Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:** không có.

**6.3. Tiêu thụ năng lượng:**

a. **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:**

Công ty tiêu thụ điện năng và nhiên liệu là dầu diesel để phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh. Nguồn năng lượng sử dụng chủ yếu cho quá trình vận hành các thiết bị và nhà máy nước là điện năng, dầu diesel chỉ sử dụng chạy máy phát điện khi mất điện. Tình hình sử dụng điện năng trong năm 2023 của Công ty:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Điện năng dùng cho khối văn phòng	Kw	55.570
2	Điện năng dùng cho sản xuất nước sạch	Kw	3.391.992
3	Lượng dầu chạy máy phát điện	Lít	2.890

b. **Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:**

Năng lượng tiết kiệm được thông qua việc công ty đầu tư lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời sản lượng 48.060 kWh tại nhà máy xử lý nước số 1 và 82.713 kWh tại nhà máy xử lý nước số 2. Trong năm 2023 tổng sản lượng là 130.773 kWh từ hệ thống điện mặt trời thay thế cho nguồn điện lưới Quốc gia.

c. **Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:** không có.

**6.4. Tiêu thụ nước:**

a. **Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:**





Do đặc thù của công ty là khai thác và cung cấp nước sạch nên nước vừa là nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất vừa là sản phẩm đầu ra của công ty. Nguồn nước sử dụng của công ty chủ yếu là nước ngầm sau quá trình xử lý lắng lọc thành sản phẩm nước sạch cung cấp đến người tiêu dùng.

Lượng nước công ty sản xuất, kinh doanh năm 2023 cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Sản lượng nước khai thác	m <sup>3</sup>	8.975.734
2	Sản lượng nước bơm ra mạng	m <sup>3</sup>	8.935.306
3	Sản lượng nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	8.121.552
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	9,52

b. Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có.

#### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong năm qua, Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Do đặc thù của ngành cấp nước là khai thác, sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt nên chất thải nguy hại không đáng kể. Tuy nhiên, Công ty có ký hợp đồng thu gom một năm 2 lần các chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dính nhớt trong quá trình sửa chữa sự cố máy bơm và các bóng đèn huỳnh quang bị hư hỏng.

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

#### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lượng lao động của Công ty vào ngày 31/12/2023 là 83 người, trong đó trình độ đại học và trên đại học chiếm 48,19%.

- Thu nhập bình quân người lao động:

Stt	Diễn giải	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm
1	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12.921.445	13.787.463	106,70

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Quan tâm vận dụng các chính sách, chế độ theo quy định nhà nước, chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động vì thế người lao động luôn yên tâm lao động sản xuất, gắn bó lâu dài với Công ty. Trong năm qua với phương châm này đã phát huy được nhiều tác dụng.

- Vào các dịp Lễ, Tết, Công ty phối hợp với Công đoàn hỗ trợ chi phí tàu xe cho





người lao động để họ có điều kiện về quê sum họp với gia đình. Hàng năm vào dịp Tết nguyên đán, Công ty luôn có chương trình thăm hỏi các cán bộ công nhân viên đã nghỉ hưu. Công ty còn có chính sách tặng thưởng cho con em của người lao động đạt thành tích cao. Công ty tổ chức tham quan định kỳ hàng năm cho toàn thể cán bộ, công nhân viên. Không chỉ vậy, hỗ trợ cho người lao động khi gia đình không may có ma chay hay khi gia đình có hiếu hỷ và cả ngày sinh nhật cũng được quan tâm kịp thời,... Với không khí vui tươi, đoàn kết và phấn khởi đã tạo thêm nhiều động lực, niềm tin cho người lao động nỗ lực, phấn đấu hết mình vì sự phát triển chung của Công ty.

- Luôn quan tâm nâng cao sức khỏe cho người lao động, nhất là đội ngũ công nhân trực tiếp hàng năm Công ty đều tổ chức cho người lao động khám sức khỏe định kỳ nhằm phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp. Đối với lao động làm việc trong môi trường độc hại được quan tâm trang bị bảo hộ lao động đầy đủ hàng năm để đảm bảo an toàn sức khỏe.

- Hàng năm đều tổ chức tập huấn, diễn tập, tuyên truyền về an toàn vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy... cho toàn thể người lao động nhằm trang bị kiến thức hữu ích và cần thiết phục vụ cho công việc để người lao động tự bảo vệ mình trước những khó khăn, nguy hiểm phải đối mặt.

- Vào 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm Hội đồng lương tổ chức họp đánh giá năng lực, chất lượng công việc, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người lao động làm cơ sở chi trả lương đúng người đúng việc. Và theo kết quả công tác Công ty đã khen thưởng kịp thời cho cá nhân, tập thể có thành tích đóng góp vào hiệu quả của công ty.

#### *c. Hoạt động đào tạo người lao động:*

Ý thức cho sự phát triển bền vững của Công ty nhân tố quyết định là đội ngũ người lao động, do đó Công ty luôn quan tâm chú trọng đến công tác đào tạo nâng cao trình độ người lao động. Công ty tạo điều kiện giới thiệu nhiều đối tượng tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn qua các khóa học ngắn hạn như: đấu thầu qua mạng, quản lý dự án, giám sát thi công, định giá xây dựng, chỉ huy trưởng công trình, an toàn lao động trong xây dựng,...

#### **6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Trong năm 2023, Công ty tích cực tham gia các phong trào tình nguyện và các chương trình từ thiện tại địa phương, các hoạt động cụ thể như:

- Hỗ trợ 05 tấn gạo hộ nghèo, hộ cận nghèo vui xuân đón Tết năm 2023 tại UBND huyện Vĩnh Lợi: 80.000.000 đồng;

- Trao 30 suất quà hỗ trợ gia đình chính sách, khó khăn tại xã Ninh Quới A- Hồng Dân vui xuân đón Tết 2023: 15.000.000 đồng;

- Hỗ trợ thương binh xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân; thương binh 1/4: 15.000.000 đồng;

- Hỗ trợ xây nhà Tình Thương cho hộ Ông Nguyễn Văn Cần ngụ Ấp Doanh Điền, xã Điền Hải, huyện Đông Hải, Bạc Liêu: 50.000.000 đồng;

- Hỗ trợ 05 sổ tiết kiệm cho 05 hộ nghèo hoàn cảnh khó khăn theo kế hoạch số 78-KH/DUK ngày 17/8/2022 của Đảng ủy khối: 50.000.000 đồng;

- Hỗ trợ xây Nhà Nhân ái cho hộ Ông Ngô Thanh Vũ Ấp 9 xã Phong Thạnh Tây B: 50.000.000 đồng;

- Hỗ trợ xây nhà cho hộ nghèo, hộ khó khăn Ông Nguyễn Văn Chử ngụ xã Vĩnh





Thanh, Huyện Phước Long, Bạc Liêu: 50.000.000 đồng;

- Hỗ trợ cho UBND xã Vĩnh Thanh xây dựng 01 căn nhà cho hộ nghèo thực hiện "Năm Dân vận khéo" năm 2022: 40.000.000 đồng;

- Hỗ trợ Ông Cao Trung Kiên thuộc gia đình khó khăn điều trị bệnh Tim: 10.000.000 đồng;

- Ủng hộ Nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ và Syri khắc phục thảm họa động đất theo CV số 548/UBND-KGVX ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Bạc Liêu: 30.000.000 đồng;

- Hỗ trợ giúp đỡ 12 hộ nghèo năm 2023 tại xã Phong Thạnh, TX Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu: 65.000.000 đồng

- Quỹ phòng, chống thiên tai đợt 1, 2 năm 2023: 52.268.407 đồng;

- Hỗ trợ "Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng" tỉnh Bạc Liêu lần thứ IX năm 2022-2023: 10.000.000 đồng;

- Hỗ trợ học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn vượt khó, hiếu học năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu: 41.000.000 đồng;

- Hỗ trợ 6,5 tấn gạo cùng nhu yếu phẩm hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh: 220.277.778 đồng;

- Hỗ trợ 220 lít nước uống đóng chai cho buổi diễn tập khu vực phòng thủ huyện năm 2023, các chương trình do đoàn thể phát động trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu,... tổng số tiền hỗ trợ 4.010.789 đồng.

**6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:** không có.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Mặc dù trong năm 2023 tình hình sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn do chi phí sản xuất tăng nhưng nhờ nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự ủng hộ của các ban, ngành địa phương, sự đoàn kết nội bộ trong tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể Người lao động Công ty nên hầu hết các chỉ tiêu năm 2023 Công ty đều thực hiện đạt và vượt so với kế hoạch.

Là đơn vị cung cấp nguồn nước sạch chủ yếu cho người dân trên địa bàn TP. Bạc Liêu, Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu luôn quan tâm nâng cao chất lượng, năng lực sản xuất, mở rộng mạng lưới cung cấp nước, đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch đầy đủ, liên tục, kịp thời phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân. từng bước tăng thêm tỷ lệ bao phủ hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn thành phố (theo Quyết định 2140/QĐ-TTg ngày 08/11/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định 192/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu);

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như: ổn định tỷ lệ thất thoát 10%, từng bước giảm và ổn định tỷ lệ tồn thu ở mức 5%, cải thiện chất lượng nước và cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ nước sạch của khách hàng lợi nhuận trước thuế đạt 12.434,22 triệu đồng, tăng 20,18% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế đạt 10.932,21 triệu đồng, tăng 21,83% so với cùng kỳ năm trước.





**Các chỉ tiêu cơ bản về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	7.847.671	8.121.552	103,49
2	Tỷ lệ thất thoát nước	%	10,94	9,52	87,02
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	64.049,09	69.330,82	105,31
4	Tổng chi phí	Tr.đồng	53.702,35	56.896,60	105,95
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	10.346,74	12.434,22	120,18
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	8.973,59	10.932,21	121,83

**2. Tình hình tài chính:**

**2.1. Tình hình tài sản:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	Tỷ trọng
1	Tài sản ngắn hạn	32.040,66	34.953,82	109,09	26,29
2	Tài sản dài hạn	100.314,16	97.997,40	97,69	73,71
<b>Tổng tài sản</b>		<b>132.354,82</b>	<b>132.951,22</b>	<b>100,45</b>	<b>100%</b>

Tổng tài sản năm 2023 tăng 596,4 triệu đồng, tương ứng 0,45% so với năm 2022, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 9,09% chủ yếu là tăng tiền và tương đương tiền, các khoản tiền gửi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn 26.667,49 triệu đồng. Tài sản dài hạn giảm 2,31% là do trong năm Công ty đầu tư ít tài sản cố định, giá trị còn lại giảm là do trích khấu hao.

Xét về cơ cấu tổng tài sản, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng 73,71% so với tài sản ngắn hạn 26,29% cho thấy định hướng phát triển của công ty phù hợp với đặc điểm chung của ngành cấp nước.

**2.2. Tình hình nợ phải trả:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm	Tỷ trọng
1	Nợ ngắn hạn	11.030,32	9.250,65	83,87	94,29
2	Nợ dài hạn	550,20	560,09	101,80	5,71
<b>Tổng nợ phải trả</b>		<b>11.580,52</b>	<b>9.810,74</b>	<b>84,72</b>	<b>100%</b>

Cơ cấu nợ của công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn chiếm 94,29% tổng nợ. Nợ ngắn hạn giảm 83,87% so với năm trước, chủ yếu khoản phải trả giữ bảo hành các công trình thi công trong năm và các khoản thu từ bồi thường di dời các công trình bị giải tỏa đang thi công dở dang. Mặc khác nợ dài hạn năm 2023 tăng 1,8% so với năm trước, trong đó khoản





phải trả dài hạn chủ yếu là khoản nhận ký quỹ của khách hàng thể chấp sử dụng nước.

Theo kết quả báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán cho thấy các khoản nợ phải trả Công ty đều trong khả năng thanh toán.

### **2.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

- Công ty luôn chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thường xuyên đánh giá năng lực cán bộ quản lý, và người lao động để tiếp tục củng cố kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Trên cơ sở kết quả đánh giá, công ty thực hiện công tác điều động luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề của từng người, đồng thời tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân;

- Thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, người lao động. Chú trọng đào tạo bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm ở một số lĩnh vực quan trọng;

- Bên cạnh đó công ty xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động và có quan tâm hơn đối với người lao động có năng lực, xây dựng phong trào cho người lao động phấn đấu, rèn luyện, tham gia học tập kinh nghiệm các đơn vị bạn để trở thành người lao động giỏi.

### **2.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- Thực hiện cấp nước an toàn theo Thông tư 08/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng: Cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ lượng nước, đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn quy định. Song song với việc thực hiện kế hoạch tăng thêm tỷ lệ bao phủ cấp nước sạch trên địa bàn thành phố (theo Quyết định 2140/QĐ-TTg ngày 08/11/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định 192/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu);

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào quản lý, sản xuất kinh doanh nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí, tối đa hóa lợi nhuận, tăng thu nhập cho người lao động;

- Tiếp tục mở rộng mạng lưới cấp nước, thực hiện các giải pháp nâng công suất nhà máy xử lý nước gắn với nâng cao năng lực sản xuất theo hướng tự động hóa, hiện đại hóa;

- Tập trung mở rộng thị trường sản phẩm nước uống đóng chai về các huyện trong tỉnh.

- Bảo toàn, phát triển nguồn vốn của Công ty; thực hiện đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên; Sử dụng lao động hiệu quả tăng năng suất lao động nâng cao thu nhập cho người lao động.

**2.5. Giải trình của Ban Giám đốc theo ý kiến kiểm toán (nếu có):** không có.

**2.6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Để đạt được các mục tiêu nhiệm vụ theo Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2023 đặt ra; song song với nhiệm vụ phục vụ cấp nước an toàn đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân, đảm bảo chất lượng nước theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế; thu nhập người lao động





tăng hơn so với cùng kỳ, đó là thách thức lớn đối với HĐQT cùng Ban điều hành Công ty.

Tuy nhiên, với tinh thần đoàn kết một lòng của tập thể Công ty, được sự quan tâm sâu sát của HĐQT, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ phận, luôn bám sát tình hình thực tế, vận dụng điều kiện cơ sở vật chất hiện có sử dụng tối đa nguồn lực, xác định được nhiệm vụ trọng tâm, đầu tư hiệu quả. Từ đó các mặt công tác đã đạt được kết quả đáng phấn khởi.

Các thành viên HĐQT với nhiệm vụ quyền hạn được phân công phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước cổ đông của Công ty, có những đóng góp tích cực trong điều hành. Quan tâm chỉ đạo sâu sát kịp thời các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bám sát tình hình thực tế, vận dụng điều kiện cơ sở vật chất hiện có sử dụng tối đa nguồn lực, xác định được nhiệm vụ trọng tâm, đầu tư hiệu quả phục vụ cấp nước an toàn đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân, đảm bảo chất lượng nước đầu ra theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đồng thời mang lại hiệu quả kinh doanh. Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong điều hành nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý.

Củng cố sắp xếp ổn định nhân sự kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả, thực hiện điều động luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân.

Bảo toàn và phát triển nguồn vốn; tạo việc làm, nâng cao đời sống, thu nhập cho người lao động, đảm bảo cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

Tuân thủ các quy định của pháp luật trong công tác tài chính đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn; Kiểm soát quản lý tốt chi phí, tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nâng cao hiệu sử dụng vốn của Công ty.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty.

Công tác cấp nước an toàn luôn được Công ty quan tâm bằng các biện pháp cải tiến để khẳng định uy tín thương hiệu của Công ty, tạo được sự tin tưởng của khách hàng thời gian qua.

Công ty điều hành hoạt động trên cơ sở quy định theo Điều lệ và quy chế của Công ty, Công ty đã xây dựng hoàn thiện các quy định, quy chế hoạt động áp dụng đối với công ty đại chúng theo quy định pháp luật hiện hành.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

Ban Giám đốc Công ty thực hiện công tác điều hành đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, có sự phối hợp chặt chẽ trong sự phân công trách nhiệm quản lý, đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao, chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý điều hành đã đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Tại các cuộc họp của HĐQT Ban Tổng Giám đốc đều báo cáo minh bạch kết quả SXKD và đề xuất yêu cầu thuộc thẩm quyền của HĐQT để được thông qua.

Tình hình tài chính lành mạnh, Công ty không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông và các đối tác của Công ty.

Tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường theo đúng





quy định đối với Công ty đại chúng trên thị trường chứng khoán.

Các thành viên Ban Giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên đảm bảo trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng; phối hợp chặt chẽ trong thực thi nhiệm vụ.

Ban Giám đốc cũng quan tâm, hỗ trợ thiết thực đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, duy trì môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, thân thiện.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Theo đà phát triển hiện tại Công ty tiếp tục duy trì ổn định và phát triển hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông giao;

Tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh chính, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, đầu tư tài chính vào lĩnh vực an toàn, ổn định;

Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn để khẳng định uy tín thương hiệu của Công ty, đáp ứng yêu cầu đa dạng các đối tượng khách hàng;

Chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý điều hành thông qua việc điều khiển từ xa các giếng bơm nước thô, áp dụng những công nghệ mới trong công tác quản lý mạng lưới cấp nước, chống thất thoát...;

Phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo, cống hiến của người lao động trong việc thực hiện chi tiết nhiệm vụ được giao của từng bộ phận, từng cá nhân góp phần thành công chung của tập thể Công ty;

Trên cơ sở kết quả đánh giá thực hiện công tác điều động luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề của từng người, đồng thời tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân;

Tăng cường công tác tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, kỹ năng giao tiếp của tất cả cán bộ nhân viên trong công ty nhất là đối với đội ngũ nhân viên thường xuyên tiếp xúc với khách hàng;

Xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động và có quan tâm hơn đối với người lao động có năng lực. Đồng thời xây dựng phong trào cho người lao động phấn đấu, học tập, rèn luyện để trở thành người lao động giỏi.

Triển khai quán triệt đến tất cả lãnh đạo, người lao động trong Công ty nắm rõ, cùng nhau xây dựng kế hoạch và thống nhất thực hiện các biện pháp quản lý, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước, tăng doanh thu – lợi nhuận; đồng thời tiết kiệm chi phí; cũng chính là gia tăng sự thụ hưởng cho chính người lao động của Công ty.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Võ Minh Trang	Chủ tịch HĐQT	25/5/2022	Đến nay
2	Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên HĐQT	25/5/2022	Đến nay
3	Lê Thanh Bảo	Thành viên HĐQT	25/5/2022	Đến nay





Số lượng cổ phần đại diện sở hữu và trực tiếp sở hữu cổ phần (CP) có quyền biểu quyết:

Stt	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần (CP) có quyền biểu quyết
1	Võ Minh Trang Chủ tịch HĐQT	Số lượng CP nắm giữ: 4.467.300 chiếm 40,00% Đại diện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.
		Sở hữu cá nhân: 1.000 CP
2	Nguyễn Thị Lan Hương Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	Số lượng CP nắm giữ: 3.350.500 chiếm 30,00% Đại diện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.
		Sở hữu cá nhân: 500 CP
3	Lê Thanh Bảo Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	Số lượng CP nắm giữ: 3.199.800 chiếm 28,65% Đại diện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.
		Sở hữu cá nhân: 6.300 CP

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
<b>I Nghị quyết Hội đồng quản trị</b>				
1	01/NQ-HĐQT	06/01/2023	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu thông qua các nội dung: 1. Thông qua Dự thảo Tờ trình của Công ty về quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của Người lao động, Người quản lý, Người phụ trách quản trị năm 2022. 2. Báo cáo về việc kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2023. 3. Thông qua Dự thảo Tờ trình của Công ty về quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của Người lao động, Người quản lý, Người phụ trách quản trị năm 2023.	03/03
2	02/NQ-HĐQT	24/3/2023	Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu thông qua các nội dung để biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	03/03
3	03/NQ-HĐQT	27/4/2023	1. Ghi nhận báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý I và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch quý II năm 2023 của Công ty. 2. Chi trả cổ tức năm 2022 3. Chọn Công ty TNHH Kiểm toán VACO thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023 của Công ty.	03/03
4	04/NQ-HĐQT	15/6/2023	Thông qua điều chỉnh Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023.	03/03
5	05/NQ-HĐQT	03/11/2023	1. Ghi nhận báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý II và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch quý III năm 2023 của Công ty.	03/03





Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			2. Ghi nhận báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý III và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch quý IV năm 2023 của Công ty. 3. Thông qua Dự thảo Tờ trình về việc hủy tư cách công ty đại chúng tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu theo hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	
6	06/NQ-HĐQT	20/11/2023	Thông qua Dự thảo Quy chế Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, nghỉ hưu đối với người đại diện vốn Nhà nước, người giữ chức vụ quản lý do Nhà nước cử tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.	03/03
<b>II Quyết định Hội đồng quản trị</b>				
1	01/QĐ-HĐQT	09/02/2023	Về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của người lao động, người quản lý, người phụ trách quản trị năm 2022.	03/03
2	02/QĐ-HĐQT	27/3/2023	Về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	03/03
3	03/QĐ-HĐQT	27/3/2023	Về việc ban hành Kế hoạch lao động; tiền lương, thù lao kế hoạch của người lao động, người quản lý năm 2023.	03/03
4	04/QĐ-HĐQT	27/4/2023	Về việc chi trả cổ tức năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.	03/03
5	05/QĐ-HĐQT	08/5/2023	Về việc cử Ông Võ Minh Trang – chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đi công tác tại Malaysia.	03/03
6	06/QĐ-HĐQT	14/6/2023	Về việc phê duyệt nhân sự quy hoạch chức danh Người đại diện vốn Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, nhiệm kỳ 2021 - 2025.	03/03
7	07/QĐ-HĐQT	31/7/2023	Về việc ban hành Quy chế làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.	03/03
8	08/QĐ-HĐQT	03/11/2023	Về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	03/03
9	09/QĐ-HĐQT	20/11/2023	Về việc ban hành Quy chế Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, nghỉ hưu đối với người đại diện vốn Nhà nước, người giữ chức vụ quản lý do Nhà nước cử tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu.	03/03

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

Trong năm 2023 các thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty được tạo điều kiện tham dự các chương trình đào tạo ngắn hạn thuộc lĩnh vực có liên quan.

## 2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:





Stt	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV.HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Văn Út	Trưởng Ban Kiểm soát	25/5/2022	Đến nay
2	Lý Hồng Yên	Thành viên Ban Kiểm soát	25/5/2022	Đến nay
3	Dương Thị Mỹ Hoa	Thành viên Ban Kiểm soát	25/5/2022	Đến nay

Số lượng sở hữu cổ phần (CP) có quyền biểu quyết:

Stt	Thành viên Ban Kiểm soát/ Chức vụ	Tỷ lệ Cổ phần (CP) có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Văn Út - Trưởng Ban Kiểm soát	Sở hữu cá nhân: 0 CP
2	Bà Lý Hồng Yên - TV Ban kiểm soát	Sở hữu cá nhân: 0 CP
3	Dương Thị Mỹ Hoa - TV Ban kiểm soát	Sở hữu cá nhân: 1.000 CP

*b. Hoạt động của Ban kiểm soát:*

Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát thông qua việc tham dự, đóng góp ý kiến tại các phiên họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT.

Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành đảm bảo tuân thủ với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kiểm soát việc tuân thủ Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập, kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính.

Kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

*a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc:*

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Thành viên	Lương thực hiện (năm)	Thưởng (năm)	Thù lao (năm)	Ghi chú
<b>I. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành</b>					
1	Võ Minh Trang	578,13	60,87		Bổ nhiệm 25/5/2022
2	Nguyễn Thị Lan Hương	499,51	60,87	72,00	Bổ nhiệm 25/5/2022
3	Lê Thanh Bảo	481,00	52,17	72,00	Bổ nhiệm 25/5/2022





<b>II. Ban kiểm soát</b>					
1	Nguyễn Văn Út		26,09	81,00	Bổ nhiệm 25/5/2022
2	Lý Hồng Yến		26,09	67,50	Bổ nhiệm 25/5/2022
3	Dương Thị Mỹ Hoa		21,74	67,50	Bổ nhiệm 25/5/2022
<b>III. Kế toán trưởng</b>					
1	Trần Phước An	471,76	52,17		Bổ nhiệm 26/5/2022

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý kiến kiểm toán:**

Theo kết quả kiểm toán số: 002/VACO/BCKiT.HCM ngày 25/01/2024 của Công ty TNHH Kiểm toán VACO về nội dung Báo cáo kiểm toán năm 2023 nhận xét: "...Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính..."

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (File đính kèm)**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN NGƯỜI ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**Võ Minh Trang**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

---

Tháng 1 năm 2024



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

102  
TH  
TR  
BINH



## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>
Ông Võ Minh Trang	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên
Ông Lê Thanh Bảo	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Bảo	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>
Ông Nguyễn Văn Út	Trưởng ban kiểm soát
Bà Dương Thị Mỹ Hoa	Thành viên
Bà Lý Hồng Yên	Thành viên

#### **Kế toán trưởng**

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>
Bà Trần Phước An	Kế toán trưởng

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Minh Trang – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



---

**Võ Minh Trang**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
Bạc Liêu, ngày 25 tháng 01 năm 2024



SỐ: 002 /VACO/BCKiT.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 01 năm 2024, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

**Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

*Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán số 4.0016/23/TC-AC ngày 03 tháng 02 năm 2023 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



---

**Nguyễn Ngọc Thạch**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Tp. HCM, ngày 25 tháng 01 năm 2024*

---

**Lê Bình Phương**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 5914-2023-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>34.953.820.977</b>	<b>32.040.661.146</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>11.667.489.448</b>	<b>11.033.291.217</b>
1. Tiền	111		3.667.489.448	3.533.291.217
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	7.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	15.000.000.000	12.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.538.614.746</b>	<b>2.879.534.306</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.591.528.525	2.240.950.691
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	110.500.000	215.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	603.194.232	1.190.191.626
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(766.608.011)	(766.608.011)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>5.554.271.912</b>	<b>4.651.489.791</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.367.552.582	5.464.770.461
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(813.280.670)	(813.280.670)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.193.444.871</b>	<b>1.476.345.832</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	658.872.692	353.416.702
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	393.997.040
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	534.572.179	728.932.090
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>97.997.402.480</b>	<b>100.314.156.685</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	361.490.656	361.490.656
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	549.348.458	549.348.458
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(910.839.114)	(910.839.114)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>87.880.116.441</b>	<b>94.965.325.370</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	87.145.641.729	94.092.045.914
- Nguyên giá	222		225.674.287.022	220.266.360.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(138.528.645.293)	(126.174.314.908)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	734.474.712	873.279.456
- Nguyên giá	228		1.420.962.714	1.420.962.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(686.488.002)	(547.683.258)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.255.397.071</b>	<b>857.878.301</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	1.255.397.071	857.878.301
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.861.888.968</b>	<b>4.490.953.014</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.861.888.968	4.490.953.014
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>132.951.223.457</b>	<b>132.354.817.831</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9.810.743.599</b>	<b>11.580.524.028</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.250.651.133</b>	<b>11.030.323.989</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	248.620.121	324.159.891
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		30.000.000	72.551.178
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.066.926.991	1.121.829.833
4. Phải trả người lao động	314		4.714.605.414	3.769.020.668
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	238.906.440
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.154.896.718	2.488.775.201
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	1.600.000.000	2.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		435.601.889	1.015.080.778
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>560.092.466</b>	<b>550.200.039</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		50.000.000	50.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	510.092.466	500.200.039
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>123.140.479.858</b>	<b>120.774.293.803</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>123.140.479.858</b>	<b>120.774.293.803</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.688.000.000	111.688.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.688.000.000	111.688.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.320.265.803	2.062.704.563
3. LNST chưa phân phối	421		9.132.214.055	7.023.589.240
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.132.214.055	7.023.589.240
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>132.951.223.457</b>	<b>132.354.817.831</b>



Võ Minh Trang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Bạc Liêu, ngày 25 tháng 01 năm 2024

Trần Phước An  
Kế toán trưởng

Võ Ái Hương  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	67.240.582.285	63.764.457.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	3.555.060	378.579.907
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	67.237.027.225	63.385.877.759
4. Giá vốn hàng bán	11	22	35.023.608.587	32.535.313.885
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		32.213.418.638	30.850.563.874
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.139.649.726	553.289.754
7. Chi phí bán hàng	25	25	6.588.209.794	6.166.087.319
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	14.748.045.458	13.963.795.929
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}	30		12.016.813.112	11.273.970.380
10. Thu nhập khác	31	26	954.144.511	109.921.910
11. Chi phí khác	32	27	536.734.463	1.037.150.423
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		417.410.048	(927.228.513)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.434.223.160	10.346.741.867
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.502.009.105	1.373.152.627
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		10.932.214.055	8.973.589.240
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên cơ bản trên cổ phiếu	70	29	818	583



Võ Minh Trang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Bạc Liêu, ngày 25 tháng 01 năm 2024

Trần Phước An  
Kế toán trưởng

Võ Ái Hương  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	76.805.718.408	74.142.641.864
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(33.027.273.700)	(16.364.330.950)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.128.105.491)	(14.304.115.948)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.646.750.951)	(1.273.128.933)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.615.173.162	3.152.788.675
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.522.805.860)	(19.014.207.629)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13.095.955.568</b>	<b>26.339.647.079</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.365.360.663)	(20.338.382.702)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	500.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.000.000.000)	(19.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	23.000.000.000	7.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.139.649.726	553.289.754
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.225.210.937)</b>	<b>(31.785.092.948)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.236.546.400)	(6.236.546.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.236.546.400)</b>	<b>(6.236.546.400)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>634.198.231</b>	<b>(11.681.992.269)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>11.033.291.217</b>	<b>22.715.283.486</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>11.667.489.448</b>	<b>11.033.291.217</b>



Võ Minh Trang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Bạc Liêu, ngày 25 tháng 01 năm 2024

Trần Phước An  
Kế toán trưởng

Võ Ái Hương  
Người lập biểu



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1900605680 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015 và Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 01 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 111.688.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 83 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 81 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết:
  - Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
  - Đầu tư, thi công các công trình: Xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác. Chi tiết:
  - Đầu tư, thi công xây dựng các công trình dân dụng;
  - Thi công công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật tư ngành xây dựng.
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: Sản xuất nước đá tinh khiết.
- Bán buôn và bán lẻ nước đóng chai.
- Cho thuê xe có động cơ.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và khi bãi.
- Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp - thoát nước.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

*a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,*

*b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí lắp đặt: Chi phí lắp đặt phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 35
Máy móc, thiết bị	05 - 17
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 27
Thiết bị, dụng cụ Quản lý	04 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

##### Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 08 - 10 năm.

##### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

##### **Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

##### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Bên liên quan (Tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan của Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
UBND tỉnh Bạc Liêu	Cổ đông lớn
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Chủ sở hữu
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ	

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	285.891.613	54.918.450
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.381.597.835	3.478.372.767
Các khoản tương đương tiền (i)	8.000.000.000	7.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>11.667.489.448</u></b>	<b><u>11.033.291.217</u></b>

(i) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu tiền nước của khách hàng	1.522.781.103	2.223.766.365
Khách hàng khác	68.747.422	17.184.326
<b>Cộng</b>	<b><u>1.591.528.525</u></b>	<b><u>2.240.950.691</u></b>

**7. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b><u>110.500.000</u></b>	<b><u>215.000.000</u></b>
Công ty TNHH MTV Phúc An Bạc Liêu	58.500.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp 94	52.000.000	101.000.000
Các đối tượng khác	-	114.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b><u>361.490.656</u></b>	<b><u>361.490.656</u></b>
Nguyễn Hữu Thăng	222.820.798	222.820.798
Nguyễn Hữu Tuấn	135.169.858	135.169.858
Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Tp.HCM	3.500.000	3.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>471.990.656</u></b>	<b><u>576.490.656</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>603.194.232</b>	<b>1.190.191.626</b>
Tạm ứng	37.757.793	148.123.840
Các khoản ký quỹ, ký cược	507.642.466	1.019.160.039
Khác	57.793.973	22.907.747
<b>b) Dài hạn</b>	<b>549.348.458</b>	<b>549.348.458</b>
Công ty TNHH DV TM XD VT Vinh phát	473.077.000	473.077.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	10.000.000	10.000.000
Khác	66.271.458	66.271.458
<b>Cộng</b>	<b>1.152.542.690</b>	<b>1.739.540.084</b>

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán</b>	<b>766.608.011</b>	-	<b>766.608.011</b>	-
- Phải thu tiền nước quá hạn	766.608.011	-	766.608.011	-
- quá hạn trên 3 năm				
<b>Nợ phải thu dài hạn quá hạn thanh toán</b>	<b>910.839.114</b>	-	<b>910.839.114</b>	-
- Công ty TNHH DV TM XD VT Vinh Phát - quá hạn trên 3 năm	473.077.000	-	473.077.000	-
- Nguyễn Hữu Tiến - quá hạn trên 3 năm	222.820.798	-	222.820.798	-
- Nguyễn Hữu Tuấn - quá hạn trên 3 năm	135.169.858	-	135.169.858	-
- Các đối tượng khác - quá hạn trên 3 năm	79.771.458	-	79.771.458	-
<b>Cộng</b>	<b>1.677.447.125</b>	-	<b>1.677.447.125</b>	-

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.320.497.875	(806.603.170)	5.403.868.782	(806.603.170)
Công cụ, dụng cụ	43.760.211	(6.677.500)	43.760.211	(6.677.500)
Thành phẩm	3.294.496	-	17.141.468	-
<b>Cộng</b>	<b>6.367.552.582</b>	<b>(813.280.670)</b>	<b>5.464.770.461</b>	<b>(813.280.670)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>658.872.692</b>	<b>353.416.702</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	122.686.029	212.823.228
Chi phí sửa chữa, lắp đặt đường ống, máy bơm, thay thế đồng hồ	333.143.256	92.916.474
Khác	203.043.407	47.677.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>8.861.888.968</b>	<b>4.490.953.014</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	254.398.987	235.786.190
Chi phí sửa chữa, lắp đặt đường ống, máy bơm, thay thế đồng hồ	7.747.275.025	3.036.511.085
Chi phí khai thác nước	395.489.758	1.027.864.407
Khác	464.725.198	190.791.332
<b>Cộng</b>	<b>9.520.761.660</b>	<b>4.844.369.716</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	728.932.090	230.030.524	(35.670.613)	534.572.179
<b>Cộng</b>	<b>728.932.090</b>	<b>230.030.524</b>	<b>(35.670.613)</b>	<b>534.572.179</b>
<b>b) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	581.300.321	(557.798.739)	23.501.582
Thuế thu nhập doanh nghiệp	568.556.761	1.502.009.105	(1.646.750.951)	423.814.915
Thuế tài nguyên	134.850.000	1.876.075.200	(1.864.365.800)	146.559.400
Tiền thuế đất	-	77.648.367	(77.648.367)	-
Các loại thuế khác	418.423.072	5.807.785.865	(5.753.157.843)	473.051.094
<b>Cộng</b>	<b>1.121.829.833</b>	<b>9.844.818.858</b>	<b>(9.899.721.700)</b>	<b>1.066.926.991</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số đầu năm</b>	74.939.776.232	43.155.650.348	100.784.585.134	1.386.349.108	220.266.360.822
- Tăng do mua mới	-	1.107.580.000	-	272.880.000	1.380.460.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	699.088.834	1.316.639.252	1.982.153.745	-	3.997.881.831
- Tăng khác	-	338.324.110	-	-	338.324.110
- Thanh lý, nhượng bán	(7.736.002)	(11.801.400)	-	(261.000.000)	(280.537.402)
- Giảm khác	(24.451.267)	-	(3.751.072)	-	(28.202.339)
<b>Số cuối năm</b>	<u>75.606.677.797</u>	<u>45.906.392.310</u>	<u>102.762.987.807</u>	<u>1.398.229.108</u>	<u>225.674.287.022</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số đầu năm</b>	29.341.574.182	34.346.593.094	61.505.277.040	980.870.592	126.174.314.908
- Khấu hao trong năm	4.747.076.955	1.811.880.510	5.846.368.380	136.946.066	12.542.271.911
- Thanh lý, nhượng bán	(1.895.320)	(9.323.106)	-	(176.723.100)	(187.941.526)
<b>Số cuối năm</b>	<u>34.086.755.817</u>	<u>36.149.150.498</u>	<u>67.351.645.420</u>	<u>941.093.558</u>	<u>138.528.645.293</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<u>45.598.202.050</u>	<u>8.809.057.254</u>	<u>39.279.308.094</u>	<u>405.478.516</u>	<u>94.092.045.914</u>
<b>Số cuối năm</b>	<u>41.519.921.980</u>	<u>9.757.241.812</u>	<u>35.411.342.387</u>	<u>457.135.550</u>	<u>87.145.641.729</u>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 40.923.259.150 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 34.259.263.435 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm máy tính</u>
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số đầu năm	1.420.962.714
Số cuối năm	1.420.962.714
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số đầu năm	547.683.258
- Khấu hao trong năm	138.804.744
Số cuối năm	686.488.002
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Số đầu năm	873.279.456
Số cuối năm	734.474.712

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 125.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 125.000.000 VND).

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Cải tạo ống gang D200mm thay bằng ống HDPE D200mm đường Nguyễn Tất Thành (đoạn từ đường Trần Phú đến đường Lê Duẩn), Phường 1, Tp. Bạc Liêu	594.438.534	-
Lắp đặt và cải tạo các tuyến ống cấp nước tại 01 đường, 08 hẻm	263.179.739	-
Lắp đặt tuyến ống nước thô HDPE D315mm Đường Hàm Nghi - NM 2, Phường 5, Tp. Bạc Liêu	197.791.401	-
Xây dựng Đường Hàm Nghi nối dài (từ đ. Nguyễn Việt Xuân-CV.Lầu), Phường 5, Tp. Bạc Liêu. Hạng mục: gia cố ô gang 500mm	189.834.003	158.900.850
Xây dựng công trình nước và nâng cấp Đường Nguyễn Thị Minh Khai. Hạng mục: DD ống d160mm, d110mm, d63mm Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn Ông Bôn-Cầu Kè)	-	239.626.645
Lắp đặt hệ thống cấp nước 01 Đường, 06 hẻm Nội ô Tp. Bạc Liêu - năm 2022	-	256.576.497
Lắp đặt hệ thống cấp nước tại 3 đường nội ô Tp. Bạc Liêu - năm 2021	-	188.204.906
Công trình khác	10.153.394	14.569.403
<b>Cộng</b>	<u>1.255.397.071</u>	<u>857.878.301</u>

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm:

<b>Số đầu năm</b>	<u>857.878.301</u>	<u>2.130.340.039</u>
Tăng trong năm	4.840.002.151	23.352.013.194
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(3.997.881.831)	(23.576.817.388)
Kết chuyển vào chi phí	(444.601.550)	(1.047.657.544)
<b>Số cuối năm</b>	<u>1.255.397.071</u>	<u>857.878.301</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Xây dựng Nguyễn Hoàn Bạc Liêu	107.984.220	107.984.220	-	-
Công ty TNHH Long Kiến Thành	-	-	74.154.960	74.154.960
Các đối tượng khác	140.635.901	140.635.901	250.004.931	250.004.931
<b>Cộng</b>	<b>248.620.121</b>	<b>248.620.121</b>	<b>324.159.891</b>	<b>324.159.891</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.154.896.718</b>	<b>2.488.775.201</b>		
Thuế thu nhập cá nhân	430.322.124	351.164.177		
Bồi thường, hỗ trợ kinh phí di dời	124.175.266	1.072.290.218		
Cổ tức còn phải trả cổ đông	86.476.990	68.495.390		
Công ty TNHH TM - DV - KT Đức Hùng	-	545.258.313		
Công ty TNHH MTV Xây lắp nước 94	137.496.661	-		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	376.425.677	451.567.103		
<b>b) Dài hạn</b>	<b>510.092.466</b>	<b>500.200.039</b>		
Các khoản ký quỹ, ký cược	510.092.466	500.200.039		
<b>Cộng</b>	<b>1.664.989.184</b>	<b>2.988.975.240</b>		

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đây là khoản chi phí tiền lương trích trước để đảm bảo việc thanh toán cho người lao động trong năm sau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>111.688.000.000</b>	<b>1.594.515.154</b>	<b>6.872.717.409</b>	<b>120.155.232.563</b>
Lãi trong năm	-	-	8.973.589.240	8.973.589.240
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-	(1.850.000.000)	(1.850.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành trong năm	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	468.189.409	(468.189.409)	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	(6.254.528.000)	(6.254.528.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>111.688.000.000</b>	<b>2.062.704.563</b>	<b>7.023.589.240</b>	<b>120.774.293.803</b>
Lãi trong năm	-	-	10.932.214.055	10.932.214.055
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (i)	-	-	(2.061.500.000)	(2.061.500.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành trong năm (i)	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	257.561.240	(257.561.240)	-
Chia cổ tức trong năm (ii)	-	-	(6.254.528.000)	(6.254.528.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>111.688.000.000</b>	<b>2.320.265.803</b>	<b>9.132.214.055</b>	<b>123.140.479.858</b>

- (i) Trong năm, Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành như sau:
- Trích lập bổ sung từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 theo Công văn số 329/UBND-TH của UBND tỉnh Bạc Liêu ngày 08 tháng 02 năm 2023 với giá trị 511.500.000 VND.
  - Tạm trích từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 với giá trị 1.800.000.000 VND.
- (ii) Công ty thực hiện chia cổ tức và trích lập Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.168.800	11.168.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.168.800	11.168.800
- Cổ phiếu phổ thông	11.168.800	11.168.800
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.168.800	11.168.800
- Cổ phiếu phổ thông	11.168.800	11.168.800
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Cổ tức đã chi trả trong năm nay là 6.236.546.400 VND (Năm trước là 6.236.546.400 VND).

**Vốn điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
UBND tỉnh Bạc Liêu	110.176.000.000	98,65%	110.176.000.000	98,65%
Cổ đông khác	1.512.000.000	1,35%	1.512.000.000	1,35%
<b>Cộng</b>	<b>111.688.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>111.688.000.000</b>	<b>100%</b>

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 20. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch và thi công đường ống cho việc cung cấp nước sạch chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh nước sạch và thi công đường ống cung cấp nước sạch trong tỉnh Bạc Liêu, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

#### 21. DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước	2.134.937.683	1.784.020.364
Doanh thu lắp đặt đường ống	61.709.257.238	58.703.828.684
Doanh thu nước đóng chai	2.543.221.545	2.396.267.653
Doanh thu khác	853.165.819	880.340.965
	<u>67.240.582.285</u>	<u>63.764.457.666</u>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Hàng bán bị trả lại	3.555.060	378.579.907
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u>67.237.027.225</u>	<u>63.385.877.759</u>

#### 22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước	1.055.715.665	941.085.075
Giá vốn lắp đặt đường ống	32.027.865.937	29.524.537.564
Giá vốn nước đóng chai	1.821.908.671	1.837.811.966
Giá vốn khác	118.118.314	231.879.280
<b>Cộng</b>	<u>35.023.608.587</u>	<u>32.535.313.885</u>

#### 23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.404.905.625	9.892.503.452
Chi phí nhân công	17.963.422.984	16.766.940.261
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.681.076.655	11.891.815.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	772.438.709	632.845.129
Chi phí khác bằng tiền	12.889.721.022	11.045.760.919
<b>Cộng</b>	<u>54.711.564.995</u>	<u>50.229.864.982</u>

#### 24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đây là lãi tiền gửi ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	6.949.131.347	7.237.469.941
Chi phí vật liệu quản lý	2.250.000	6.330.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	217.728.773	131.570.310
Chi phí khấu hao TSCĐ	293.325.864	294.425.868
Thuế, phí, lệ phí	2.286.287.237	2.094.523.975
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	235.258.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.234.579	168.049.095
Các khoản chi phí khác	4.822.087.658	3.796.168.527
<b>Cộng</b>	<b><u>14.748.045.458</u></b>	<b><u>13.963.795.929</u></b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	4.020.659.726	3.681.487.678
Chi phí vật liệu bao bì	197.739.089	121.875.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	23.316.164	104.203.195
Chi phí khấu hao TSCĐ	536.773.372	499.084.206
Các khoản chi phí khác	1.809.721.443	1.759.437.240
<b>Cộng</b>	<b><u>6.588.209.794</u></b>	<b><u>6.166.087.319</u></b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tiền hỗ trợ chi phí di dời hệ thống cấp nước	948.114.952	105.051.094
Các khoản khác	6.029.559	4.870.816
<b>Cộng</b>	<b><u>954.144.511</u></b>	<b><u>109.921.910</u></b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí di dời hệ thống cấp nước	444.601.550	59.725.270
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	92.132.913	44.052.135
Chi phí khác	-	933.373.018
<b>Cộng</b>	<b><u>536.734.463</u></b>	<b><u>1.037.150.423</u></b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	12.434.223.160	10.346.741.867
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Cộng: Các khoản chi không được trừ	-	1.123.373.018
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b><u>12.434.223.160</u></b>	<b><u>11.470.114.885</u></b>
Thu nhập chịu thuế suất 20%	2.585.867.897	2.261.411.385
Thu nhập chịu thuế suất 10%	9.848.355.263	9.208.703.500
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>1.502.009.105</u></b>	<b><u>1.373.152.627</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

Công ty xác định thuộc đối tượng hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, đáp ứng tiêu chí về cơ sở xã hội hóa theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định số 693/QĐ/TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Từ năm 2022, Công ty áp dụng nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% cho thu nhập từ hoạt động sản xuất nước do đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô và tiêu chuẩn của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	10.932.214.055	8.973.589.240
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành đã trích (i)	(1.800.000.000)	(2.461.500.000)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>9.132.214.055</b>	<b>6.512.089.240</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.168.800	11.168.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	818	583
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

- (i) Theo Công văn số 329/UBND-TH của UBND tỉnh Bạc Liêu ngày 08 tháng 02 năm 2023, Công ty đã trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 với giá trị 511.500.000 VND. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2022 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 629 VND/Cổ phiếu).

Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay được tính dựa trên cơ sở tạm trích do tỷ lệ phân phối các quỹ chưa được thông qua Đại hội đồng cổ đông.

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	11.667.489.448	11.033.291.217
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	123.140.479.858	120.774.293.803
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

#### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.667.489.448	11.033.291.217	11.667.489.448	11.033.291.217
Phải thu khách hàng và phải thu	1.428.114.746	2.664.534.306	1.428.114.746	2.664.534.306
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.000.000.000	12.000.000.000	15.000.000.000	12.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.095.604.194</b>	<b>25.697.825.523</b>	<b>28.095.604.194</b>	<b>25.697.825.523</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.913.609.305	3.313.135.131	1.913.609.305	3.313.135.131
Chi phí phải trả	-	238.906.440	-	238.906.440
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.913.609.305</b>	<b>3.552.041.571</b>	<b>1.913.609.305</b>	<b>3.552.041.571</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phân ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 2 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.667.489.448	-	11.667.489.448
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.428.114.746	-	1.428.114.746
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.000.000.000	-	15.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.095.604.194</b>	<b>-</b>	<b>28.095.604.194</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.403.516.839	510.092.466	1.913.609.305
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.403.516.839</b>	<b>510.092.466</b>	<b>1.913.609.305</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>26.692.087.355</b>	<b>(510.092.466)</b>	<b>26.181.994.889</b>
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 2 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.033.291.217	-	11.033.291.217
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.664.534.306	-	2.664.534.306
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.000.000.000	-	12.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.697.825.523</b>	<b>-</b>	<b>25.697.825.523</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.812.935.092	500.200.039	3.313.135.131
Chi phí phải trả	238.906.440	-	238.906.440
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.051.841.532</b>	<b>500.200.039</b>	<b>3.552.041.571</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>22.645.983.991</b>	<b>(500.200.039)</b>	<b>22.145.783.952</b>

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài sổ dư với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 17 và 19, trong năm Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

- Chi cổ tức cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu với số tiền là 6.169.856.000 VND (năm trước là 6.169.856.000 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Năm nay	Lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Hội đồng Quản trị	578.132.122	64.726.841	144.000.000	786.858.963
Ban Tổng Giám đốc	980.512.070	92.636.578	-	1.073.148.648
Ban kiểm soát	-	67.695.963	216.000.000	283.695.963
Kế toán trưởng	471.755.808	24.940.618	-	496.696.426
<b>Cộng</b>	<b>2.030.400.000</b>	<b>250.000.000</b>	<b>360.000.000</b>	<b>2.640.400.000</b>

Năm trước	Lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Hội đồng Quản trị	337.243.738	51.724.138	174.000.000	562.967.876
Ban Tổng Giám đốc	999.751.502	86.206.896	-	1.085.958.398
Ban kiểm soát	192.696.450	68.965.518	156.000.000	417.661.968
Kế toán trưởng	471.741.270	43.103.448	-	514.844.718
<b>Cộng</b>	<b>2.001.432.960</b>	<b>250.000.000</b>	<b>330.000.000</b>	<b>2.581.432.960</b>

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty là được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.



Võ Minh Trang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Bạc Liêu, ngày 25 tháng 01 năm 2024

Trần Phước An  
Kế toán trưởng

Võ Ái Hương  
Người lập biểu